TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2024
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Dương
Ông Lê Doãn Giới

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị H1, sinh năm 1983. Xin xét xử vắng mặt
Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn*: Anh Trương Văn T, sinh năm 1980. Xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn K, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Phùng Thị H1 thể hiện như sau:

Chị H1 và anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 20/10/2002. Sau khi cưới anh chị sống hòa thuận với nhau một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay Chị H1 nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng thêm được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con: Chị Phùng Thị H1 và anh Trương Văn T có 01 con chung là cháu Trương Văn L, sinh ngày 03/11/2003, hiện cháu L đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Phùng Thị H1 không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/10/2024 của anh Trương Văn T thể hiện:

Anh T và Chị H1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 20/10/2002. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh chị sống ly thân khoảng 10 năm nay, không ai quan T đến ai. Nay Chị H1 đề nghị ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con: Anh Trương Văn T và chị Phùng Thị H1 có 01 con chung là cháu Trương Văn L, sinh ngày 03/11/2003, hiện cháu L đã đủ 18 tuổi nên anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn chị Phùng Thị H1 không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không có mặt để thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trương Văn T và chị Phùng Thị H1 có 01 con đã đủ tuổi thành niên và tự lập nên Tòa án không tiến hành xác minh nguyên nhân dẫn đến tình trạng mâu thuẫn, tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phùng Thị H1 và bị đơn anh Trương Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Phùng Thị H1 và bị đơn anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/10/2002 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan T đến nhau. Nay Chị H1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh Trương Văn T thể hiện nguyện vọng tại bản tự khai là thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa vắng mặt anh chị nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị H1 và anh T.

Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị H1 là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Do chị Phùng Thị H1 và anh Trương Văn T cùng thống nhất có 01 con chung là cháu Trương Văn L, sinh ngày 03/11/2003 nên nên đủ cơ sở khẳng định cháu L là con chung của anh T và Chị H1. Do cháu L đã thành niên và tự lập, anh T và Chị H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Phùng Thị H1 và anh Trương Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Phùng Thị H1 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phùng Thị H1 được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con: Công nhận chị Phùng Thị H1 và anh Trương Văn T có 01 con chung là cháu Trương Văn L, sinh ngày 03/11/2003. Cháu L đã thành niên và tự lập, anh T và Chị H1 không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Phùng Thị H1 chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0003987 ngày 03/10/2024 (Chị Phùng Thị H1 đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị H1 và anh Trương Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H. Phụ, h. H;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú